

Mã hồ sơ:.....

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó Giáo Sư**



(Nếu nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒ ; Nếu nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: Giáo sư ☐; Phó giáo sư ☒

Đối tượng: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Thủy sản; Chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Thanh Tùng**

2. Ngày tháng năm sinh: 19/08/1963; Nam ☒; Nữ ☐; Dân tộc: Kinh

3. Đảng viên Đảng CSVN: ☒

4. Quê quán: Xã Lương Hòa, Huyện Giồng Trôm, Tỉnh Bến Tre

5. Chỗ ở hiện nay:

P.501, nhà B1 khu tập thể nhà công vụ Chính phủ Hoàng Cầu - Số 61 Trần Quang Diệu, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 0283.811.20.45, Điện thoại di động: 0913.684.536;

Địa chỉ E-mail: thanhtungng198@gmail.com

6. Địa chỉ liên hệ:

Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy Sản-Số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội.

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Thời gian (từ ... đến năm)	Công việc/Vị trí công tác	Cơ quan
10/1986 - 8/1990	Giáo viên chuyên ngành thủy sản.	Trường Trung cấp Nông Nghiệp tỉnh Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
9/1990 - 12/1997	Nghiên cứu viên.	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II (Bộ Thủy Sản), 116 Nguyễn Đình Chiểu, Q.I, TP. HCM.
8/1997 - 12/2006	Nghiên cứu viên. Trưởng phòng Nguồn lợi và Khai thác Thủy sản Nội địa	Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II (Bộ Thủy Sản), 116 Nguyễn Đình Chiểu, Q.I, TP. HCM.

Thời gian (từ ... đến năm)	Công việc/Vị trí công tác	Cơ quan
01/2007 - 8/2008	Nghiên cứu chính. Phó Phân Viện trưởng.	Phân viện Quy hoạch Thủy sản phía Nam (Viện Kinh Tế và Quy Hoạch Thủy Sản - Bộ Thủy Sản), 30 Hàm nghi, Q.I, TP. HCM.
8/2008 - 9/2011	Nghiên cứu viên chính. Phó Viện trưởng Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản - Kiểm Phân Viện Trưởng.	Phân Viện Quy hoạch Thủy sản phía Nam (Bộ NN&PTNT), 30 Hàm nghi, Q.I, TP. HCM.
9/2011- 02/2012	Nghiên cứu viên chính. Phó Viện trưởng- Phụ trách Viện.	Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản (Tổng cục Thủy Sản), Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội).
02/2012 – 6/2014	Nghiên cứu viên chính. Viện trưởng.	Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản (Tổng Cục Thủy Sản - Bộ NN&PTNT), Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội.
6/2014 – đến nay	Nghiên cứu viên chính. Viện trưởng.	Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản (Bộ NN&PTNT), Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Viện trưởng, Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản – Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Chức vụ cao nhất đã qua: Viện Trưởng.

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản - Bộ NN&PTNT.

Địa chỉ cơ quan: Số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024.7246685 - **Fax:** 024.8345674

Địa chỉ E-mail: thanhtungng198@gmail.com

Hệ số lương:

- Hiện nay: 6,1

- Trước khi nghỉ hưu (nếu đã nghỉ hưu):

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Nông Lâm Thủ Đức, TP.HCM, Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản Bắc Ninh liên thông Đại học Nha Trang, Học Viện Nông nghiệp Việt Nam.

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

9. Hiện nay là: Giảng viên ☐ ; ☒ ; Nghiên cứu viên chính ☒ ; Cán bộ quản lý ☐ ;
Các công tác khác ☐ ; Hưu trí ☐

10. Học vị:

- Được cấp bằng Đại học ngày 21 tháng 4 năm 1987, ngành: Thủy sản, chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản.

Nơi cấp bằng Đại học (*trường, nước*): Trường đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 28 tháng 7 năm 1998, ngành: Khoa học Thủy sản, chuyên ngành: Nuôi trồng Thủy sản.

Nơi cấp bằng Thạc sĩ (*trường, nước*): Đại học Thủy sản Nha Trang, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 22 tháng 6 năm 2006, ngành: Sinh học, chuyên ngành: Sinh học.

Nơi cấp bằng Tiến sĩ (*trường, nước*): Viện Hải dương học Nha Trang, Việt Nam.

11. Đã được bổ nhiệm/ công nhận chức danh PGS: Chưa

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh: PGS tại HĐGS cơ sở: Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

13. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi-Thú Y-Thủy sản.

14. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Nuôi trồng thủy sản.
- Đánh giá đa dạng sinh học, nguồn lợi thủy sản phục vụ cho nuôi trồng thủy sản và phát triển bền vững.

15. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đang hướng dẫn 01 NCS.
- Đã hướng dẫn 07 Học viên cao học bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ;
- Đã chủ trì hoàn thành 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, 02 đề tài cấp Bộ và đang chủ trì thực hiện 01 đề tài KHCN cấp nhà nước và 01 đề tài KHCN cấp Bộ.
- Đã công bố 30 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước (21 bài tiếng Việt và 09 bài tiếng Anh, trong đó có 08 bài báo khoa học xuất bản trên các tạp chí ngoài nước);
- Đã xuất bản quyển 12 quyển sách trong đó (10 sách tham khảo, 2 sách hướng dẫn);

Liệt kê không quá 5 công trình KH tiêu biểu nhất (Sách hoặc đề tài NCKH hoặc bài báo KH):

1. Đề tài khoa học công nghệ cấp nhà nước: Nghiên cứu xây dựng mô hình bảo vệ và phát triển nguồn lợi Nghêu *Meretrix lyrata* (Sowerby, 1851), Sò huyết *Andara granosa* (Linacus) ở vùng cửa sông, ven biển Tiền Giang, Bến Tre và Trà Vinh. Chủ nhiệm nhiệm vụ: TS. Nguyễn Thanh Tùng. Số đăng ký kết quả đề tài: 2011-02-678/KQNC.
2. Sách tham khảo: Bảo vệ và phát triển nguồn lợi các loài cá nước ngọt đồng bằng sông Cửu Long (*Protection and development of resources for freshwater fisheries in the Mekong delta*). 2019. Tác giả: Nguyễn Thanh Tùng. NXB Nông Nghiệp; ISBN:978-604-60-2629-7.
3. Sách hướng dẫn Hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. (Hai tập 1 và 2) 2016. Đồng tác giả. Nhà xuất bản chính trị quốc gia.

4. Phát triển nuôi lồng bè tại các vịnh thuộc tỉnh Khánh Hòa trong điều kiện biến đổi khí hậu. Nguyễn Thanh Tùng, Phan Văn Tá, 2018. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN:1859-4581.
5. Tác động của biến đổi khí hậu đến sản lượng nuôi tôm tỉnh Cà Mau. Nguyễn Thanh Tùng. 2019. NXB Nông nghiệp. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn; ISSN:1859-4581.

16. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

STT	Hình thức, nội dung khen thưởng	Năm
1	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Quyết định số 1421/QĐ-BNN-TCCB ngày 25/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.
2	Chiến sĩ thi đua cơ sở. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Quyết định số 45/QĐ-TCTS-VP ngày 21/02/2014 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thủy sản.
3	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Quyết định số 223/QĐ-TCTS-VP ngày 14/5/2015 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Thủy sản.
4	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Quyết định số 19/QĐ-KTQH ngày 8/4/2016 của Viện trưởng Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản.
5	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Quyết định số 08/QĐ-KTQH ngày 23/01/2017 của Viện trưởng Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản.
6	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Quyết định số 08/QĐ-KTQH ngày 29/01/2018 của Viện trưởng Viện Kinh tế và Quy hoạch thủy sản.
7	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ (thành tích giai đoạn 2015-2017).	Quyết định số 2249/QĐ-BNN-TCCB ngày 12/06/2018 của Bộ trưởng Bộ NN và PTNT.
8	Giấy khen.	Quyết định số 14/QĐ/ĐUTCTS ngày 14/01/2014 của Đảng ủy Tổng cục Thủy sản.
9	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.	Quyết định số 1856 /QĐ-TTg ngày 09/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ.
10	Kỷ niệm chương.	Kỷ niệm chương “Vì thế hệ trẻ” về thành tích đóng góp vào sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ và xây dựng tổ chức Đoàn của Trung ương đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Kỷ niệm chương số: 152 QĐ/TWĐTN, ngày 21/03/2014.
11	Kỷ niệm chương.	Kỷ niệm chương “Vì thế hệ trẻ” về thành tích đóng góp vào sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ và xây dựng tổ chức Đoàn của Trung ương đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Kỷ niệm chương số: 158 QĐ/TWĐTN, ngày 23/03/2015.

STT	Hình thức, nội dung khen thưởng	Năm
12	Giấy khen.	Tặng giấy khen đã có thành tích trong “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” giai đoạn 2011-2015. QĐ số: 313-QĐ/ĐU, ngày 20/05/2016.
13	Kỷ niệm chương.	Quyết định số 1233/QĐ-BNN-TCCB, ngày 07/04/2017. V/v Tặng kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn”.

17. Kỷ luật (hình thức từ cảnh cáo trở lên, cấp ra quyết định, số ra quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/ PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá)

Trong quá trình 33 năm công tác trong ngành thủy sản tôi đã trải qua các cương vị khác nhau: giáo viên, nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, quản lý... với nhiều thâm niên công tác giảng dạy và thỉnh giảng một số trường đại học. Sau khi tốt nghiệp Đại học năm 1986 tôi về nhận nhiệm vụ tại trường Trung cấp Nông nghiệp tỉnh Bến Tre (nay là trường Cao đẳng tỉnh Bến Tre từ năm 1986-1990 làm công tác giảng dạy tham gia 04 khóa đào tạo cho ngành thủy sản tỉnh Bến Tre, tham gia giảng dạy các môn: Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, chế biến thủy sản, quản lý nguồn lợi thủy sản,... Tôi luôn giữ đạo đức nghề nghiệp và là người thầy hoàn thành tốt giờ giảng, giữ đạo đức tốt nhà giáo.

Năm 1990 tôi chuyển công tác về Viện Nghiên Cứu Nuôi Trồng Thủy Sản II, 16 năm tham gia nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực thủy sản: Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, sinh học cá, đánh giá nguồn lợi thủy sản nội đồng, ven bờ và xuyên biên giới (Campuchia, Lào và Thái Lan) thông qua dự án Đánh giá nghề cá sông Mekong, nghiên cứu kinh tế xã hội nghề cá, nghiên cứu tác động kinh tế, xã hội và môi trường lên phát triển nghề cá.

Năm 2007, Bộ Thủy Sản (nay là Bộ NN&PTNT) luân chuyển tôi về Viện Kinh tế và Quy hoạch Thủy sản, với vị trí mới tôi tham gia vào nghiên cứu các lĩnh vực cụ thể như sau: Nghiên cứu xây dựng chính sách phát triển thủy sản Việt Nam; Xây dựng chiến lược ngành thủy sản Việt Nam; Xây dựng quy hoạch tổng thể ngành thủy sản Việt Nam; tham gia và chủ trì quy hoạch các đối tượng nuôi trồng thủy sản chủ lực của ngành thủy sản Việt Nam; Quy hoạch tổng thể và chi tiết các vùng miền và địa phương trong cả nước; Nghiên cứu chuỗi giá trị sản xuất thủy sản Việt Nam và các vấn đề liên quan đến phát triển thủy sản bền vững theo tiêu chuẩn thương mại. Đã chủ nhiệm 32 đề tài/ dự án trong đó: 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước; 12 cấp bộ (01 đề tài KHCN và 11 đề tài cấp Bộ phục vụ cho công tác quy hoạch và điều tra), 19 cấp tỉnh/TP và tham gia nhiều đề tài và dự án khác trong lĩnh vực thủy sản. Ngoài ra tôi tham gia rất nhiều hội đồng khoa học thẩm định các đề tài, dự án, chương trình của Bộ NN&PTNT, Tổng cục Thủy Sản. Tham gia viết báo chuyên ngành trên các báo (Tạp chí Thủy sản, Tạp chí Nông nghiệp Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam,...) hoàn thành tốt nhiệm vụ dù ở cương vị nào không ngại khó khăn.

Sau khi tốt nghiệp Tiến sĩ (2005) tôi tham gia công tác giảng dạy tại các trường Đại học An Giang, Trường Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Nha Trang, Trường Cán bộ quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 2 (Bộ NN&PTNT), Học Viện NN Việt Nam. Tham gia các hội đồng tốt nghiệp Cao học, Tiến sĩ tại các trường: Đại học Cần Thơ, trường Đại học Nông Lâm Thủ Đức TP. Hồ Chí Minh, Đại học Nha Trang, Học Viện Nông nghiệp VN, Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội, tham gia hướng dẫn học viên viết luận văn Thạc sĩ, hướng dẫn Nghiên cứu sinh, phản biện, chấm luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ. Tham gia viết sách tham khảo, viết sách hướng dẫn kỹ thuật nuôi phổ biến cho nông dân, các bài báo kỹ thuật trên các báo chuyên ngành.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số: 10 năm làm công tác tham gia giảng dạy tôi xin khai dưới đây cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ)

(Căn cứ chế độ làm việc đối với giảng viên theo quy định hiện hành)

TT thâm niên	Năm học	Hướng dẫn NCS		HD luận văn ThS	HD đồ án tốt nghiệp ĐH	Giảng dạy		Tổng số giờ giảng/số giờ quy đổi
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
Thâm niên 3 năm đầu								
1	2013- 2014					180		180
2	2014- 2015					180		180
3	2015- 2016	50				180		230
Thâm niên 3 năm cuối:								
4	2016- 2017	50		16		90		161
5	2017- 2018	50				90 + 86,9		231,9
6	2018- 2019	50				90		145

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐ :

- Học ĐH ☐; Tại nước:; từ năm.....đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ☐; Tại nước :.....năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐ :

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:.....; số bằng:.....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ : .

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

Đối tượng khác □; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

- Chứng chỉ tiếng Anh bậc 3 (Tương đương Cấp độ B1 tham chiếu Châu Âu)
- Cấp ngày 28/8/2017
- Nơi cấp: Trường Đại Học Vinh

4. Hướng dẫn NCS thành công làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS (đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng):

Đã hướng dẫn 07 Học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ và đang hướng dẫn 01 NCS, cụ thể như sau:

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến....	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng/ có quyết định cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Lê Hoàng Bảo		✓	✓		7/2009-7/2010	Khoa Thủy sản, ĐHCT.	2010
2	Văn Ngọc Tuấn		✓	✓		3/2010 – 9/2010	Khoa Môi trường, ĐH Cần Thơ.	2010
3	Lê Đức Liêm		✓		✓	6/2010 - 12/2010	Khoa Thủy sản, ĐH Nông Lâm Thủ Đức, TP.HCM.	2010
4	Trần Hoài Giang		✓		✓	8/2010 – 02/2011	Khoa Kinh Tế, ĐH Nông Lâm Thủ Đức, TP.HCM.	2011
5	Lê Tôn Cường		✓		✓	6/2012-12/2012	Khoa Thủy sản, ĐH Nông Lâm Thủ Đức, TP.HCM.	2012
6	Huỳnh Kim Anh		✓	✓		02/2013 - 8/2013	Khoa Thủy sản, ĐHCT	2013
7	Tạ Văn Sơn		✓		✓	3/2016 – 9/2016	Đại Học Nha Trang.	2016
8	Trịnh Quang Tú	✓		✓		12/2016 - 12/2019	Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội.	2019

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

- Số sách đã xuất bản 12 quyển: Trong đó đã được thẩm định tại học Viện Nông nghiệp Việt Nam 11 quyển gồm: 09 quyển sách tham khảo, 02 quyển sách hướng dẫn cụ thể sau:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CSGDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
SÁCH ĐÃ CÔNG BỐ SAU KHI BẢO VỆ TIẾN SỸ						
1	Environmental Change and Agriculcultural Sustainability in the Mekong Delta. ISSN 1574-0919 ISBN 978-94-007-0933-1 DOI 10.1007/978-94-007-0934-8 Chapter 18. (Page 303-333) The Relationship Between Natural Conditions and the Formation and Development of Clam Grounds (<i>Meretrix lyrata</i>) in the Mekong detal.		Springer Dordrecht Heidelberg London New York, 2011	2	Đồng tác giả	
2	Thủy sản Việt Nam từ khoa học đến thực tiễn.	Tham khảo	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, 2011	1	Chủ biên	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam
3	Thủy sản Việt Nam định hướng phát triển trong thời kỳ mới	Tham khảo	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, 2012	1	Chủ biên	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam
4	Phương pháp và kinh nghiệm nghiên cứu đánh giá biến đổi khí hậu trong ngành thủy sản	Tham khảo	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội. 2014	2	Đồng chủ biên	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam
5	Phát triển thủy sản Việt Nam chất lượng và bền vững.	Tham khảo	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, 2015	1	Chủ biên	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam
6	Đẩy mạnh nghiên cứu về quy hoạch, kinh tế và xã hội phục vụ thái cơ cấu thủy sản.	Tham khảo	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, 2016	1	Chủ biên	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam
7	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản. Nhà xuất bản chính trị quốc gia.	Hướng dẫn	Nhà xuất bản chính trị quốc gia, 2016	2	Đồng tác giả	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Viết MM hoặc CB, phần biên soạn	Xác nhận của CSGDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
	(Tập 1).					
8	Hướng dẫn kỹ thuật nuôi trồng thủy sản. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. (Tập 2).	Hướng dẫn	Nhà xuất bản chính trị quốc gia, 2016	2	Đồng tác giả	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam
9	Thủy sản Việt Nam nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	Tham khảo	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, 2017	1	Chủ biên	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam
10	Nguồn lợi các loài cá nước ngọt thường gặp vùng đồng bằng sông Cửu Long Freshwater Fishies Resource of Mekong River Delta	Tham khảo	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, 2017	1	Tác giả	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam
11	Thủy sản Việt Nam đổi mới và phát triển.	Tham khảo	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, 2018	1	Chủ biên	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam
12	Bảo vệ và phát triển nguồn lợi các loài cá nước ngọt đồng bằng sông Cửu Long (<i>Protection and development of resources for freshwater fisheries in the Mekong delta</i>).	Tham khảo	Nhà xuất bản Nông Nghiệp, 2019	1	Tác giả	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

- Đã thực hiện 01 đề tài KHCN cấp nhà nước, 02 đề tài cấp Bộ.
- Đang thực hiện 01 đề tài KHCN cấp nhà nước và 01 đề tài KHCN cấp Bộ.

TT	Tên CT, ĐT	CN	TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Nghiên cứu xây dựng mô hình bảo vệ và phát triển nguồn lợi Nghêu, Sò huyết ở vùng cửa sông, ven biển Tiền Giang, Bến Tre và Trà Vinh.	✓		Cấp nhà nước (Bộ KHCN). Số đăng ký kết quả: 2011-02-678/KQNC. Hội đồng đánh giá nghiệm thu chính thức theo Quyết định số 1134/QĐ-BKHCN 29/04/2011.	2008-2010	12/05/2011	Tốt

TT	Tên CT, ĐT	CN	TG	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
2	Quy hoạch nuôi, chế biến cá tra vùng ĐBSCL đến năm 2020.	✓		Cấp Bộ Quyết định giao nhiệm vụ . Số: 106a/QĐ-KTQH.	2013-2014	QĐ Số: 3885/QĐ-BNN-TCTS ngày 11/9/2014	Tốt
3	Quy hoạch nuôi tôm nước lợ vùng đồng bằng sông Cửu long đến năm 2020, tầm nhìn 2030.	✓		Cấp Bộ. QĐ giao nhiệm vụ Số: 02/QĐ-KTQH.	2014-2015	QĐ Số: 5528/QĐ/BNN-TCTS ngày 31/12/2015	Tốt
4	Nghiên cứu giải pháp phát triển nuôi trồng thủy sản tại các hồ chứa lớn theo hướng sản xuất hàng hóa hiệu quả và bền vững.	✓		KHCN Cấp Bộ.	2018-2020	Đang thực hiện	
5	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS hỗ trợ quản lý, giám sát và cảnh báo dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản.	✓		KHCN Cấp nhà nước.	2017-2020	Đang thực hiện	

Các chữ viết tắt: CT: chương trình; ĐT: đề tài; CN: chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1. Bài báo khoa học đã công bố

- Đã công bố 30 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước (21 bài tiếng Việt và 09 bài tiếng Anh đó có 08 bài xuất bản tạp chí nước ngoài); Tách thành 2 giai đoạn trước khi bảo vệ luận án TS và sau khi bảo vệ luận án TS như sau:

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Tập/số	Trang	Năm công bố
BÀI BÁO KHOA HỌC CÔNG BỐ TRƯỚC KHI BẢO VỆ TIẾN SĨ							
1	Larvae Drift in the Delta: Mekong Versus Bassac (June 1999-July 1999).	5	Paper presented at the 3rd MRC Technical Symposium on	ISSN:1681-7613	Mekong Conference Series: No 1	73-101	2000

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Tập/số	Trang	Năm công bố
			Fisheeries, Phom Penh, Demcember 2000.				
2	Fish migrations and spawning habits in the Mekong mainstream: a survey using local knowledge.	11	AMFC Technical Report. Mekong River Commission.	ISSN:1681-7613	AMFC Technical Report Nọ 5		2000
3	Biến động về thành phần cá bột và cá con ở đồng bằng sông Cửu Long đầu mùa lũ.	4	Tuyển tập báo cáo khoa học “Biển Đông – 2002. Viện Hải dương học Nha Trang			263-274	2002
4	Deep pools as dry seasion fish habitats in the Mekong River Basin.	5	MRC Technical Paper No,4. Mekong River Commission, Phnompenh.	ISSN:1683-1489	MRC Technical Paper No,4.	Page 1-22	2002
5	The drift of fish lavras juveniles in the Mekong mainstream.	1	Proccedings of the Technical Symposium on Mekong Fisheries.	ISSN:1681-7613	No.4	Page 29-42	June 2003
6	Biodiversity and Fishies in the Mekong River Basin.	4	Mekong River Commision (MRC)	ISSN:1680-4023	Mekong Developme nt seriesNo2	1-30	June 2003
7	Distribution and Ecology of Some Important Riverine Fish species of the Mekong River Basin.	11	Mekong River Commision (MRC)	ISSN:1683-1489	MRC Technical Paper No 10	1- 116	May 2004
BÀI BÁO KHOA HỌC CÔNG BỐ SAU KHI BẢO VỆ TIẾN SĨ							
8	Phân bố và sinh thái một số loài cá sông quan trọng ở	11	Nhà XB NN ISSN:1683-		Số 10	1- 120	2005

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Tập/số	Trang	Năm công bố
	hạ lưu sông Mekong (Distribution and Ecology of Some Important Riverine Fish species of the Mekong River Basin.		1489				
9	Monitoring of fish larvae during the annual flood of the Mekong and Bassac rivers, Mekong delta, Viet Nam.	4	Proceeding of 7th Technical Symposium on Mekong Fisheries. 15th-17th November 2005.	ISSN:1681-7613	No.6	Page 71- 87	2006
10	Các giải pháp bảo vệ và phát triển nguồn ngêu Bến Tre (<i>Meretrix lyrata</i>).	1	Thông tin Chuyên đề Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN 1859-1310		Số 1-2009	1-27	2009
11	Ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám trong việc xác định vùng phân bố nguồn lợi nhuyễn thể trong vùng cửa sông, ven biển 3 tỉnh Tiền Giang, Bến Tre và Trà Vinh. Tuyển tập Phương pháp luận nghiên cứu xây dựng quy hoạch phát triển thủy sản.	2	Nhà xuất bản nông nghiệp.		Số năm 2010	238-263	2010
12	Giải pháp cơ bản thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.	1	Nhà xuất bản nông nghiệp.		Số của năm 2011	9-25	2011

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Tập/số	Trang	Năm công bố
13	Quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn 2030.	1	Nhà xuất bản nông nghiệp.		Số của năm 2012	305-330	2012
14	Khái quát về quy hoạch tổng thể phát triển thủy sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 ở nước ta.	1	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN 1859-4581		Số 7-2014	5-12	2014
15	Xây dựng trung tâm nghề cá lớn Kiên Giang gắn với ngư trường Tân Nam Bộ.	3	Nhà xuất bản nông nghiệp.		Số của năm 2015	8-25	2015
16	Xây dựng và phát triển chuỗi giá trị thủy sản	4	Nhà xuất bản nông nghiệp.		Số của năm 2015	374-387	2015
17	Phân tích chuỗi giá trị tôm thẻ chân trắng vùng đồng bằng sông Cửu Long.	2	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN 1859-4581		Số 10-2017	20-30	2017
18	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển nuôi tôm- rừng bền vững tỉnh Cà Mau.	2	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN 1859-4581		Số 17-2017	22-32	2017
19	Rà soát, điều chỉnh tác cơ cấu ngành thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.	1	Nhà XB Nông nghiệp		Số năm 2017	11-44	2017
20	Một số giải pháp phát triển hợp đồng liên kết sản xuất – tiêu thụ cá tra các tỉnh đồng bằng sông Cửu	2	Tạp chí quản lý kinh tế. Viện Nghiên Cứu Quản lý Trung ương.		Số tháng 9-10/2017	22-29	2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Tập/số	Trang	Năm công bố
	Long.		ISSN 1859-039X				
21	Phân tích chuỗi phân phối và lợi ích chi phí nuôi tôm Sú vùng đồng bằng sông Cửu Long.	2	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Nông Lâm Nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm T/pHCM. ISSN 1859-1523.		Số 1/2018	61-71	2018
22	Phát triển nuôi lồng bè tại các vịnh thuộc tỉnh Khánh Hòa trong điều kiện biến đổi khí hậu.	2	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581.		24/2018	10-19	2018
23	Thực trạng và những vấn đề đặt ra đối với phát triển ngành thủy sản hiện nay	2	Nhà xuất bản NN		Số của năm 2018	12-24	2018
24	Delimitating inland aqua-ecological zones under different climate conditions in the Mekong Delta region, Viet Nam.	9		Publishing: The International Water Association –IWA; Journal: Water and Climate Change. ISSN 2040-2244:/ EISSN 2408-9354. Impact Factor 1.009	Vol.9, Issue 3, September 2018.	463-479	2018
25	Community -based hazard identification on aquaculture of the northern coastal area, Vietnam.	5	Tạp chí khoa học trường ĐH TNMT Hà Nội	The Journal of Science on Natural Resources and Environme		12-20	2018

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu khoa học	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Tập/số	Trang	Năm công bố
				nt 25 (2019) 12-20, ISSN 0866-7608			
26	Ảnh hưởng của chế độ cho ăn đến tốc độ tăng trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn trên cá da trơn (Catfish).	7	Kỷ yếu Hội nghị khoa học và công nghệ chuyên ngành thủy sản giai đoạn 2013-2018.			248-255	2018
27	Ảnh hưởng của chế độ cho ăn gián đoạn đến tốc độ tăng trưởng, hiệu quả chuyển hóa thức ăn FCR trên cá da trơn (Catfish).	6	Nhà XB Học viện Nông Nghiệp			176-183	2019
28	Tác động của biến đổi khí hậu đến sản lượng nuôi tôm tỉnh Cà Mau.	1	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN 1859-4581.		11/2019	60-65	2019
29	Phân tích hiệu quả kinh tế nghề nuôi cá biển trong lồng quy mô nhỏ tại Việt Nam.	2	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN 1859-4581.		13/2019	3-9	2019
30	Water Temperature Prediction Models in Northern Coastal Area, Vietnam.	5		Asian Riview of Environme ntal and Earth Sciences ISSN(E) 2313-8173: / ISSN(P) 2518-0134 Impact Factor: 0.5	Vol,6,No1, 1-8, 2019	1-8	2019

- Trong đó, bài báo đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín sau khi được công

nhận PGS hoặc cấp bằng TS: có 3 bài báo đăng trên tạp chí khoa học có uy tín.

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

- Đã có 04 sáng kiến cấp Bộ trong đó (năm 2015 có 02 sáng kiến, năm 2017 có 01 sáng kiến, năm 2018 có 01 sáng kiến) cụ thể như sau:

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Số tác giả
1	Sáng kiến cấp Bộ năm 2015: Chủ trì xây dựng Quy hoạch nuôi tôm nước lợ vùng ĐBSCL đến năm 2020, tầm nhìn 2030.	Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn	Số: 01/QĐ-BNN-HĐSK, ngày 11/05/2016 V/v Công nhận sáng kiến.	1
2	Sáng kiến cấp Bộ năm 2015: Chủ trì xây dựng Quy hoạch phát triển nuôi cá nước lạnh đến năm 2020.	Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn	Số: 01/QĐ-BNN-HĐSK, ngày 11/05/2016 V/v Công nhận sáng kiến.	1
3	Sáng kiến cấp Bộ năm 2017: Chủ trì Xây dựng Quy hoạch tổng thể - Phân khu xây dựng Trung tâm nghề cá lớn Kiên Giang”	Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn	Số: 01/QĐ-BNN-HĐSK, ngày 17/05/2017 V/v Công nhận sáng kiến cấp Bộ	1
4	Sáng kiến cấp Bộ năm 2018: Chủ trì xây dựng đề án: Liên kết sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	Bộ Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn	Số: 1940/QĐ-BNN-TCCB, ngày 29/05/2018V/v Công nhận sáng kiến cấp Bộ	1

- Trong đó, bằng độ quyền sáng chế, giải pháp hữu ích cấp sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế (Tên giải thưởng, quyết định trao giải thưởng,...)

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/ tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
...				

- Trong đó, giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc cấp bằng TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế có uy tín:

- Thời gian được cấp bằng TS, được bổ nhiệm PGS: ☐
- Giờ chuẩn giảng dạy: ☐
- Công trình khoa học đã công bố: ☐
- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ: ☐
- Hướng dẫn NCS, Ths: ☐

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2019

Người đăng ký



Nguyễn Thanh Tùng

D. XÁC NHẬN CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NƠI ĐANG LÀM VIỆC

- Về những nội dung "Thông tin cá nhân" ứng viên đã kê khai;
- Về giai đoạn ứng viên công tác tại đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong giai đoạn này.

(Những nội dung khác đã kê khai, ứng viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật).

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2019

TM. THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Cao Lệ Quyên

